

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN H
TỈNH LONG AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 53/2021/HS-ST

Ngày: 27-9-2021

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN H TỈNH LONG AN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Hùng Vương.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Đỗ Ngọc Ngân Hà;
2. Ông Thi Hữu Giàu.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Minh Nhân - Thư ký Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Long An.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện H, tỉnh Long An tham gia phiên tòa: Ông Lý Văn Quyền - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 9 năm 2021, tại trụ sở, Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Long An, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 46/2021/TLST-HS ngày 08 tháng 9 năm 2021, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 47/2021/QĐST-HS ngày 13 tháng 9 năm 2021 đối với các bị cáo:

1. Lê Hoàng P (C con) - Sinh năm 1998, tại Long An; Nơi cư trú: Ấp 6, xã MQT, huyện H, tỉnh Long An; Nghề nghiệp: Không; Trình độ văn hóa: Lớp 8/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Lê Văn N và bà Nguyễn Thị Cẩm G (đã chết); Vợ Nguyễn Thị Bích V, có 01 người con sinh năm 2018; Tiền án: Không; Tiền sự: Ngày 02-6-2020 bị Công an xã MQT xử phạt hành chính 1.500.000 đồng về hành vi trộm cắp tài sản (chưa thi hành); Nhân thân: Không; Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 21-01-2021 đến nay. (Có mặt).

2. Phạm Văn D - Sinh năm 1988, tại Tây Ninh; Nơi cư trú: Ấp TC, xã ĐTh, huyện TB, tỉnh Tây Ninh; Nghề nghiệp: thợ cắt tóc; Trình độ văn hóa: Lớp 9/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Phạm Văn H1 và bà Đoàn Thị T (đã chết); Bị cáo chưa có vợ, con; Tiền án: Không; Tiền sự: Không; Nhân thân: Ngày 24-2-2017 bị Công an huyện LN, tỉnh Bình Phước xử phạt hành chính 2.000.000 đồng về hành vi gian lận trong việc mua bán hàng hóa (dây điện) để thu lợi, thi hành xong; Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 21-01-2021 đến nay. (Có mặt).

3. Lê Minh T1 - Sinh năm 1997, tại Long An; Nơi cư trú: Ấp 5, xã MQT, huyện H, tỉnh Long An; Nghề nghiệp: Làm ruộng; Trình độ văn hóa: Lớp 9/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Lê Văn M và bà Phan Thị T2; Bị cáo chưa có vợ, con; Tiền án: Không; Tiền sự: Không; Nhân thân: Không; Bị cáo bị cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 09-6-2021 đến nay. (Có mặt).

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Ông Nguyễn Văn K - Sinh năm 2001 - Nơi cư trú: Ấp 6, xã MQT, huyện H, tỉnh Long An. (Vắng mặt);

2. Ông Nguyễn Hoàng V1 - Sinh năm 1991 - Nơi cư trú: Ấp 6, xã MQT, huyện H, tỉnh Long An. (Vắng mặt);

3. Bà Hồ Thị Bé N1 - Sinh năm 1986 - Nơi cư trú: Ấp 5, xã MQT, huyện H, tỉnh Long An. (Vắng mặt);

4. Ông Lê Văn N - Sinh năm 1972 - Nơi cư trú: Ấp 6, xã MQT, huyện H, tỉnh Long An. (Có mặt);

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 21 giờ ngày 17-01-2021, Lê Hoàng P điện thoại cho Trần Văn T3 (tên khác là T4, T5) xin 100.000 đồng uống cà phê nhưng T3 không cho; Nảy sinh bức tức, P đến nhà Nguyễn Hoàng V1 (ấp 6, xã MQT), rủ Phạm Văn D đến cầu TH (ấp 5, xã MQT) để chặn đánh T3 với lý do trước đây chở thuốc lá chung nhưng mích lòng. D đồng ý. P nhờ Nguyễn Văn K (Su K) chở P và D đến cầu TH nhưng không nói rõ mục đích làm gì. K điều khiển xe mô tô Future Neo biển số 62L1-xxx.06 chở P và D đến cầu TH rồi quay về. Tại cầu, D nhặt 01 đoạn gỗ tre dài 80cm, đường kính 03 cm, P lấy 01 cây sào chống xuống dài 3,7m đầu lớn rộng 04cm, đầu nhỏ 02cm, cả hai trốn cạnh đường bê tông (đường đan) chờ T3. Đến khoảng 23 giờ cùng ngày, T3 điều khiển xe mô tô chở theo thuốc lá điều nhập lậu đến dốc cầu TH, P và D cầm cây ra chặn đánh làm T3 hoảng sợ bỏ chạy, để lại xe chở thuốc. P và D thấy trên xe có 03 túi nylon màu đen chứa thuốc lá điều nhập lậu, 01 túi ở giữa và 02 túi buộc phía sau. Cả hai nảy sinh ý định chiếm đoạt thuốc lá của T3 bán lấy tiền tiêu xài. D đỡ túi nylon chứa thuốc phía sau xe cho P gỡ dây buộc ra và lấy 01 túi nylon. Khi thấy có ánh đèn xe chạy đến, D chạy vào giếng nước gần đó trốn, P mang theo túi thuốc lá trốn cạnh đường đan. Sau đó, P gọi điện nhờ K đến chở về nhà. K đến nơi, chở P ngồi phía sau tay ôm túi thuốc lá, đi theo dọc đường đan (ấp 5, xã MQT). Đi được một đoạn, K yêu cầu P bỏ túi thuốc lá lại mới chở về. P giấu túi thuốc lá vào 01 cái cống ven đường xông lên xe về nhà. Đến 01 giờ ngày 18-01-2021 P gọi điện nhờ Lê Minh T1 đến cầu TH rước D, nhưng được T1 thông báo là D đã bị Công an bắt giữ. Đến 02 giờ 30 phút cùng ngày, P gọi điện cho một người tên TM (không rõ nhân thân, lai lịch) để hỏi bán số thuốc lá vừa lấy được, người này đồng ý mua, P

hẹn người này đến cổng 5Đ nhận thuốc. Thỏa thuận xong, P gọi điện và nói với T1 địa điểm giấu thuốc lá và nhờ chở thuốc lá đem bán cho TM rồi mang tiền về, T1 đồng ý. T1 điều khiển xe mô tô biển số 62S1-xxx.33 chở túi thuốc lá đi bán được 9.500.000 đồng mang về giao cho P. Nhận được tiền, P đưa cho T1 700.000 đồng, đưa K 600.000 đồng (trả nợ K 300.000 đồng, còn lại cho), gửi 2.000.000 đồng nhờ K đưa cho D, số còn lại P tiêu xài, đến khi bị bắt giữ thu trên người P 725.000 đồng. Tại cơ quan điều tra các bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội. Ông Lê Văn N là cha ruột bị cáo P đã nộp 5.475.000 đồng để khắc phục hậu quả cho P.

Trần Văn T3 trình bày: Khoảng 19 giờ 30 phút ngày 17-01-2021, T3 liên hệ mua thuốc lá điều nhập lậu của Hồ Thị Bé N1 với số lượng 200 cây (2.000 bao) gồm 150 cây Hero (giá 139.000 đồng/cây), 50 cây Scott (giá 125.000 đồng/cây), đều chưa trả tiền. T3 dùng xe mô tô gắn biển số 51Y6-xxx6 chở thuốc đi bán. Số thuốc trên được để trong 03 túi nylon màu đen, trong đó 01 túi 30 cây được đặt ở бага xe, 02 túi còn lại mỗi túi 85 cây đặt phía sau yên xe. Khoảng 0 giờ 10 phút ngày 18-01-2021 T3 chạy đến chân cầu TH thì có nhóm đối tượng chặn đường, nhưng do trời tối, các đối tượng đeo khẩu trang và cầm hung khí, nên không biết rõ có phải lực lượng Công an chốt chặn hay không nên T3 hoảng sợ bỏ xe chạy, rồi điện thoại báo cho Bé N1 biết mình bị chặn cướp hay bị lính bắt rồi. Khoảng 01 giờ sau, T3 quay lại hiện trường, thấy xe của T3 đã được dựng lên nhưng không còn túi thuốc. Truy tìm xung quanh phát hiện 01 túi 85 cây thuốc cặp đường đan và 01 túi 30 cây thuốc được người dân tìm được ở đâu không rõ. T3 thu lại được 115 cây thuốc, đã chở đi bán cho các tiệm tạp hóa ở địa phận huyện Đức Hòa. Đến 08 giờ ngày 18-01-2021, T3 trình báo Công an về việc bị nhóm đối tượng chặn đánh cướp tài sản. Do xe của T3 không có giấy đăng ký nên mượn xe mô tô biển số 62H2-xxx7 có đăng ký của Bé N1 để thế vào hiện trường, sau đó đã nộp xe gắn biển số 51Y6-xxx6 cho Cơ quan điều tra.

Tang vật tạm giữ: 01 đoạn gỗ tròn dài 3,7m đầu lớn rộng 04cm, đầu nhỏ 02cm; 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda, loại Dream màu nâu, biển số 62S1-xxx.33 của T1; 01 điện thoại hiệu Nokia 1280 màu xanh, gắn sim số 0828.294xxx của P; 01 điện thoại hiệu Nokia 1208 màu đen, gắn sim số 0933.145xxx của K; 01 điện thoại hiệu Nokia 1202 màu đen, gắn sim số 0987.979xxx của T1; 7.500.000 đồng (K nộp 600.000 đồng, T1 nộp 700.000 đồng, thu giữ trên người P 725.000 đồng và ông Lê Văn N nộp 5.475.000 đồng); 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda, loại Wave Alpha màu đỏ xanh, gắn biển số 51Y6-xxx6 (của T3); 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda, loại Future màu đen, biển số 62L1-xxx.06 (của K); 01 xe mô tô nhãn hiệu Damsel, loại Wave màu xanh, biển số 62H2-xxx7 (của Bé N1); 01 điện thoại di động hiệu Oppo loại A53 màu xanh (của K); 01 điện thoại di động hiệu Oppo, loại F15 màu trắng, gắn sim số 0975.758xxx (của T1).

Xử lý vật chứng: 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda, loại Wave Alpha màu đỏ xanh, gắn biển số 51Y6-xxx6 của T3 dùng vận chuyển thuốc lá và 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda, loại Future màu đen, gắn biển số 62L1-xxx.06 của K mua ở tiệm cầm đồ tại Campuchia với giá 7.000.000 đồng. Các kết luận giám định số 210 và

211/2021/KLGD cùng ngày 09-3-2021 xác định số khung, số máy bị đục sửa không đọc được, không xác định được chủ sở hữu, Cơ quan điều tra đã chuyển đến Đội Cảnh sát giao thông Công an huyện H giải quyết theo thẩm quyền; 01 xe mô tô nhãn hiệu Damsel, loại Wave màu xanh, biển số 62H2-xxx7 của Bé N1, 01 điện thoại di động hiệu Oppo, loại A53 màu xanh của K và 01 điện thoại di động hiệu Oppo, loại F15 màu trắng, gắn sim số 0975.758xxx của T1, Cơ quan điều tra xác định không liên quan đến vụ án nên đã trả lại cho chủ sở hữu theo Quyết định trả lại tài liệu, đồ vật số 09 ngày 01-7-2021;

Đối với đoạn gỗ dài 80cm mà D sử dụng tấn công T3 không thu hồi được nên không đề cập.

Đối với 850 bao thuốc lá thiệt hại trong vụ án không thu giữ được. Tại Kết luận định giá số 22/KL-TCKH ngày 23-4-2021 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự xác định số thuốc lá trên giá trị 14.450.000 đồng.

Cáo trạng số 48/CT-VKSĐH ngày 06-9-2021 của Viện Kiểm sát nhân dân huyện H truy tố bị cáo Lê Hoàng P và Phạm Văn D về tội “Cướp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 168 Bộ luật Hình sự, truy tố bị cáo Lê Minh T1 về tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có” theo quy định tại khoản 1 Điều 323 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa:

- Bị cáo P khai nhận: Đêm ngày 17-01-2021 bị cáo chỉ rủ D đi đánh T3, không có phân công vai trò, trách nhiệm từng người, đến nơi mới tìm cây làm hung khí, bị cáo xuống phà lấy khúc cây to khoảng cổ tay bị cáo dài khoảng hơn 3m, D tìm được đoạn cây dài khoảng 1m to cỡ ngón chân cái; Chờ khoảng 01 tiếng thì T3 đến, cả hai lao ra chặn đường, T3 quay đầu xe bị lọt xuống lề, T3 bỏ xe chạy đi; Thấy số thuốc lá bỏ lại, bị cáo và D thống nhất lấy thuốc lá đem bán lấy tiền trả nợ. D phụ bị cáo tháo dây buộc lấy 01 túi nylon thuốc phía sau xe, đem vào giấu cạnh đường đan. Có người đến, bị cáo và D tự tìm cách trốn. Sau đó, bị cáo điện thoại K đến rước bị cáo. K hoàn toàn không biết việc bị cáo và D đánh cướp T3, khi K đến rước bị cáo, thấy có thuốc lá K sợ nên kêu bị cáo bỏ thuốc xuống mới chở về. Khoảng 01 giờ ngày 18-01-2021, bị cáo điện thoại cho T1 nhờ đến cầu TH rước D. Khoảng 15 phút sau T1 điện thoại cho biết D bị bắt. Sau khi liên lạc với TM, khoảng 03 giờ cùng ngày, bị cáo điện thoại nhờ T1 đến cái cống ở đường đan nhà bà Bằng chở thuốc đi bán cho TM. T1 đồng ý. Khoảng 04 giờ, T1 mang đến giao cho bị cáo 9.500.000 đồng tiền bán thuốc lá. Bị cáo cho T1 700.000 đồng, đưa K 600.000 đồng (trả nợ K 300.000 đồng, còn lại cho), gửi 2.000.000 đồng nhờ K đưa cho D, còn lại 6.200.000 đồng bị cáo tiêu xài đến khi bị bắt còn 725.000 đồng bị tạm giữ, ba ruột bị cáo đã thay bị cáo nộp thêm 5.475.000 đồng. Bị cáo nhận thấy hành vi của bị cáo là vi phạm pháp luật, ăn năn hối cải, xin được giảm nhẹ hình phạt;

- Bị cáo D khai nhận: Đêm ngày 17-01-2021 P rủ bị cáo đi đánh T3, chỉ nói đi đánh thằng này, không có phân công ai phải làm gì; Đến nơi mới tìm cây làm hung khí, bị cáo tìm được đoạn cây dài khoảng 08 tấc, P xuống phà lấy khúc cây to khoảng

cổ tay bị cáo dài hơn 3m; Chờ khoảng 01 tiếng thì T3 đến, cả hai lao ra chặn đường, T3 quay đầu xe bị lọt xuống lề, T3 bỏ xe chạy đi. Khi T3 hoảng sợ bỏ chạy, P và bị cáo thống nhất lấy thuốc đem bán lấy tiền tiêu xài. Sau khi lấy 01 túi thuốc, có ánh đèn xe nên bị cáo chạy đến giếng nước trôn, sau đó thì bị người dân bắt giao cho Công an. Sau khi về nhà, bị cáo điện thoại cho P hỏi tiền bán thuốc, P nói nhờ K đưa; cáo nhờ Vũ đến nhà K lấy 2.000.000 đồng, không nói tiền gì. Bị cáo đã nhờ người nhà nộp thay bị cáo số tiền 2.000.000 đồng. Bị cáo nhận thấy hành vi của bị cáo là vi phạm pháp luật, ăn năn hối cải, xin được giảm nhẹ hình phạt;

- Bị cáo T1 khai nhận: Khoảng 03 giờ ngày 18-01-2021 P điện thoại nhờ bị cáo đến ống cống ở đường đan gần nhà bà Băng lấy túi thuốc lá chờ tới cống 5Đ giao cho TM. Bị cáo đến lấy thuốc đi giao, TM đưa bị cáo 9.500.000 đồng, bị cáo về đưa cho P, P đưa bị cáo 700.000 đồng. Lúc này P nói bị cáo biết số thuốc do đánh cướp của T3. Bị cáo đã nộp lại số tiền 700.000 đồng. Bị cáo nhận thấy hành vi của bị cáo là vi phạm pháp luật, ăn năn hối cải, cam kết không tiếp tục vi phạm pháp luật, xin được giảm nhẹ hình phạt;

- Ông Lê Văn N trình bày: Số tiền 5.475.000 đồng đã nộp để khắc phục hậu quả cho P là tiền của gia đình, P sống chung gia đình, ông nộp thay cho P, ông không có yêu cầu gì đối với P.

- Lời khai của những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan tại cơ quan điều tra:

+ Ông Nguyễn Văn K: Khoảng 22 giờ 30 ngày 17-01-2021, P nhờ ông chở P và D đi cầu TH. Tới cầu, P và D xuống xe, ông đi về, P và D không nói đến đó làm gì. Khoảng 24 giờ cùng ngày, P điện thoại nhờ ông đến rước P. P lên xe ôm theo 01 túi nylon, ông nghỉ đựng thuốc lá, sợ bị bắt nên ông kêu P bỏ thuốc xuống mới chở. P bỏ thuốc lại, ông chở P về nhà. Đến khoảng 18 giờ ngày 18-01-2021 P điện thoại kêu ông đến và đưa ông 600.000 đồng (trả nợ 300.000 đồng, còn lại cho). P nhờ ông mang 2.000.000 đồng đưa cho D, sau đó Vũ đến nhận dùm D nên ông đưa tiền cho Vũ. Sau này ông mới biết P và D đánh cướp T3.

+ Ông Nguyễn Hoàng V1: Khoảng 17 giờ 30 ngày 18-01-2021, D nhờ ông đi gặp K lấy dùm 2.000.000 đồng, nhận tiền xong ông về đưa cho D. Ông không biết số tiền đó do đánh cướp mà có.

+ Bà Hồ Thị Bé N1: Khoảng 23 giờ 20 phút ngày 17-01-2021, T3 có điện thoại cho bà mượn xe, bà nói xe để trước nhà có đến lấy thì lấy. Khoảng 0 giờ 30 ngày 18-01-2021 T3 gọi điện nói bị cướp thuốc lá ở cầu áp 5, bà có đến nơi coi thử nhưng không gặp T3. Khoảng 30 phút bà đi về, trên đường gặp T3. T3 hỏi mượn xe số 62H2-xxx7 của bà. Sau nhiều lần T3 năn nỉ bà mới đồng ý. Chiếc xe bà đã được cơ quan Công an trả lại. Bà không có yêu cầu gì trong vụ án và cũng không có tham gia buôn bán thuốc lá điều nhập lậu với T3 cũng như người khác.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện H đề nghị Hội đồng xét xử:

+ Tuyên bố các bị cáo Lê Hoàng P và Phạm Văn D phạm tội “Cướp tài sản”. Áp dụng khoản 1 Điều 168, điểm b, s khoản 1 Điều 51, Điều 17, Điều 32 và Điều 38 Bộ luật Hình sự xử phạt các bị cáo P và D mỗi bị cáo từ 03 năm đến 03 năm 06 tháng tù;

Tuyên bố bị cáo Lê Minh T1 phạm tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có”, áp dụng khoản 1 Điều 323, điểm b, i, s khoản 1 Điều 51, Điều 32 và Điều 36 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo T1 từ 15 đến 18 tháng cải tạo không giam giữ; miễn khấu trừ thu nhập đối với bị cáo do bị cáo không có việc làm ổn định.

+ Về các biện pháp tư pháp, căn cứ vào Điều 106 Bộ luật Tố tụng Hình sự, đề nghị: Tịch thu tiêu hủy 01 đoạn gỗ tròn dài 3,7m đầu lớn rộng 04cm, đầu nhỏ 02cm, là hung khí gây án. Tịch thu sung công quỹ Nhà nước: 01 điện thoại hiệu Nokia 1280 màu xanh, gắn sim số 0828.294xxx của P và 01 điện thoại hiệu Nokia 1202 màu đen, gắn sim số 0987.979xxx của T1 là phương tiện liên lạc khi thực hiện hành vi phạm tội; 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda, loại Dream màu nâu, biển số 62S1-xxx.33 của T1, là phương tiện thực hiện tội phạm; 9.500.000 đồng tiền thu lợi bất chính gồm: 7.500.000 đồng tạm giữ (K nộp 600.000 đồng, T1 nộp 700.000 đồng, thu giữ trên người P 725.000 đồng và ông Lê Văn N nộp 5.475.000 đồng) và 2.000.000 đồng D nộp. Trả lại 01 điện thoại hiệu Nokia 1208 màu đen, gắn sim số 0933.145xxx của K vì không liên quan đến hành vi phạm tội; Vật chứng Chi cục Thi hành án dân sự huyện H đang quản lý.

Ngoài ra, còn các vật chứng khác như:

01 xe mô tô nhãn hiệu Honda, loại Wave Alpha màu đỏ xanh, gắn biển số 51Y6-xxx6 của T3 và 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda, loại Future màu đen, biển số 62L1-xxx.06 của K xác định số khung, số máy bị đục sửa không đọc được, không xác định được chủ sở hữu, Cơ quan điều tra đã chuyển đến Đội Cảnh sát giao thông Công an huyện H giải quyết theo thẩm quyền nên không tiếp tục đề cập;

01 xe mô tô nhãn hiệu Damsel, loại Wave màu xanh, biển số 62H2-xxx7 của Bé N1, 01 điện thoại di động hiệu Oppo, loại A53 màu xanh của K và 01 điện thoại di động hiệu Oppo, loại F15 màu trắng, gắn sim số 0975.758xxx của T1, Cơ quan điều tra xác định không liên quan đến vụ án nên đã trả lại cho chủ sở hữu theo Quyết định trả lại tài liệu, đồ vật số 09 ngày 01-7-2021 nên không đề cập;

Đối với đoạn gỗ dài 80cm mà D sử dụng tấn công T3 không thu hồi được nên không đề cập.

Đối với 850 bao thuốc lá thiệt hại trong vụ án không thu giữ được nên không đề cập; Đây là tài sản bị cướp nhưng thuộc danh mục hàng hóa bị cấm nên không buộc bị cáo bồi thường mà thu hồi số tiền thu lợi bất chính sung công quỹ Nhà nước.

+ Về trách nhiệm dân sự: Bà Hồ Thị Bé N1 và ông Lê Văn N không có yêu cầu gì trong vụ án nên không đề cập.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Các Quyết định khởi tố vụ án, khởi tố bị can của Cơ quan Cảnh sát điều tra, Quyết định phê chuẩn Quyết định khởi tố bị can và Cáo trạng truy tố bị cáo của Viện kiểm sát đều thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng Hình sự. Hành vi tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên đều thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng Hình sự.

[2] Khoảng 23 giờ ngày 17-01-2021, tại cầu TH (ấp 5, xã MQT, huyện H), Lê Hoàng P và Phạm Văn D đã dùng cây chuẩn bị từ trước để chặn đánh Trần Văn T3. Khi nhìn thấy T3 chạy gần đến thì P và D lao ra tấn công, do hoảng sợ nên T3 bỏ chạy, để lại xe và 03 túi nylon đựng thuốc lá điều nhập lậu. P và D thống nhất lấy thuốc lá của T3 bán. P và D lấy 01 túi nylon đựng 85 cây (850 bao) thuốc lá ngoại mang đi giấu, sau đó P nhờ Lê Minh T1 đem bán số thuốc lá trên cho người đàn ông tên TM (không rõ nhân thân, lai lịch) được 9.500.000 đồng. Sau khi có tiền, P đưa Nguyễn Văn K 600.000 đồng, đưa cho T1 700.000 đồng, đưa D 2.000.000 đồng, còn lại P tiêu xài cá nhân, đến khi bị bắt P còn lại 725.000 đồng. Tại cơ quan điều tra P, D và T1 thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội. Số thuốc lá các bị cáo chiếm đoạt giá trị 14.450.000 đồng.

[3] Tại phiên tòa, các bị cáo P, D và T1 khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội. Lời khai nhận của các bị cáo phù hợp khách quan với Kết luận giám định, Kết luận định giá, lời khai người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan cùng các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa.

[4] Các bị cáo P và D đủ lý trí và năng lực để nhận thức được việc chiếm đoạt tài sản của người khác là vi phạm pháp luật, bị cáo T1 cũng đủ lý trí và năng lực để nhận thức được việc tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có là vi phạm pháp luật, nhưng các bị cáo vẫn thực hiện với lỗi cố ý. Quá trình thực hiện hành vi phạm tội cướp tài sản các bị cáo P và D không bàn bạc phân công vai trò trách nhiệm từng bị cáo, hành vi của các bị cáo thực hiện với hình thức đồng phạm giản đơn.

[5] Đã đủ căn cứ kết luận hành vi của các bị cáo P và D phạm vào tội “Cướp tài sản”, tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 168 Bộ luật hình sự năm 2015 và hành vi của bị cáo T1 phạm vào tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có”, tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 323 Bộ luật hình sự năm 2015.

[6] Cáo trạng số 48/CT-VKSDH ngày 06-9-2021 của Viện Kiểm sát nhân dân huyện H đã truy tố các bị cáo P, D và T1 với các tội danh và điều luật nêu trên là có căn cứ, đúng quy định pháp luật.

[7] Hành vi “Cướp tài sản” của bị cáo P và D là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm trực tiếp đến tài sản hợp pháp của người khác; Hành vi “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có” của bị cáo T1 là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến trật tự công cộng và trật tự pháp luật xã hội chủ nghĩa, gây trở ngại cho công tác điều tra, truy tố và xét xử các vụ án hình sự, tạo điều kiện khuyến khích cho những người

khác đi vào con đường phạm tội; Không những thế, các hành vi của các bị cáo P, D và T1 còn gây mất an ninh trật tự tại địa phương, gây phần nộ, bất bình trong quần chúng nhân dân, hành vi của các bị cáo cần được xử lý nghiêm. Khi thực hiện hành vi cướp tài sản, bị cáo P với vai trò là người khởi xướng và người thực hành một cách tích cực, bị cáo D là người thực hành tích cực.

[8] Xét các bị cáo P và D có nhân thân xấu, cần cách ly ra khỏi xã hội một thời gian để giáo dục, răn đe và phòng ngừa chung; Các bị cáo P và D đã nộp lại số tiền thu lợi bất chính tự nguyện khắc phục hậu quả, trong quá trình điều tra, truy tố và xét xử, thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, là tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại điểm b, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự;

[9] Bị cáo T1 phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, có nơi cư trú rõ ràng, xét thấy không cần thiết phải cách ly khỏi xã hội mà áp dụng hình phạt cải tạo không giam giữ, dưới sự giám sát, giáo dục của chính quyền địa phương nơi cư trú cũng đủ tác dụng giáo dục, răn đe và phòng ngừa chung; Đồng thời, xét bị cáo T1 có hoàn cảnh gia đình khó khăn, không có việc làm ổn định, miễn khấu trừ thu nhập đối với bị cáo; Bị cáo T1 đã nộp lại số tiền thu lợi bất chính tự nguyện khắc phục hậu quả, phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, trong quá trình điều tra, truy tố và xét xử, thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, là tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại điểm i, b, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự;

[10] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát về mức hình phạt đối với các bị cáo P, D và T1 là có căn cứ pháp luật.

[11] Đối với những đối tượng có liên quan đến nội dung vụ án:

[11.1] Đối với Trần Văn T3, có hành vi mua bán thuốc lá điều nhập lậu, nhưng hiện đã rời khỏi địa phương, Cơ quan điều tra không thu giữ được vật chứng, đã xác minh nhưng không biết đối tượng đang làm gì và ở đâu, không làm việc được nên tiếp tục điều tra xử lý sau nên không đề cập.

[11.2] Đối với Hồ Thị Bé N1, không thừa nhận hành vi mua bán thuốc lá điều nhập lậu cho T3, không tiến hành đối chất với T3 được nên Cơ quan điều tra tiếp tục làm rõ xử lý sau;

[11.3] Đối với người tên TM mua thuốc lá của P, chỉ có lời khai của P và T1, không xác định được nhân thân, lai lịch không mời làm việc được, nên Cơ quan điều tra tiếp tục làm rõ xử lý sau nên không đề cập;

[11.4] Nhằm tránh bỏ lọt tội phạm không được xử lý, kiến nghị Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện H tiếp tục xác minh làm rõ đối với Trần Văn T3, Hồ Thị Bé N1 và người tên TM để xử lý theo quy định của pháp luật.

[11.5] Đối với Nguyễn Văn K, không nhận biết về hành vi phạm tội của P và D, Cơ quan điều tra đã cho đối chất không đạt kết quả, K đã nộp lại số tiền 600.000 đồng đã nhận từ P, nên không đề cập;

[11.6] Đối với Nguyễn Hoàng V1, được D nhờ đi gặp K lấy 2.000.000 đồng, đã giao tiền cho D, qua làm việc Vũ không biết số tiền nhận dùm có nguồn gốc từ đâu và Vũ không liên quan đến vụ cướp tài sản nên không đề cập;

[12] Về các biện pháp tư pháp, căn cứ Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự và các Điều 46, 47 và 48 của Bộ luật Hình sự, xét thấy: Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là phù hợp nên chấp nhận;

[13] Về trách nhiệm dân sự: Bà Hồ Thị Bé N1 và ông Lê Văn N không có yêu cầu gì trong vụ án nên không đề cập.

[14] Về án phí: Các bị cáo P, D và T1 phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Tuyên bố các bị cáo Lê Hoàng P và Phạm Văn D phạm tội “Cướp tài sản”.

+ Áp dụng khoản 1 Điều 168, điểm b, s khoản 1 Điều 51, Điều 17, Điều 32 và Điều 38 Bộ luật Hình sự, các Điều 299, 326 và 329 của Bộ luật Tố tụng Hình sự, xử phạt bị cáo Lê Hoàng P 03 (ba) năm 06 (sáu) tháng tù; Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị tạm giữ, tạm giam (ngày 21-01-2021).

+ Áp dụng khoản 1 Điều 168, điểm b, s khoản 1 Điều 51, Điều 17, Điều 32 và Điều 38 Bộ luật Hình sự, các Điều 299, 326 và 329 của Bộ luật Tố tụng Hình sự xử phạt bị cáo Phạm Văn D 03 (ba) năm tù; Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị tạm giữ, tạm giam (ngày 21-01-2021).

+ Tiếp tục quyết định tạm giam các bị cáo Lê Hoàng P và Phạm Văn D mỗi bị cáo 45 (Bốn mươi lăm) ngày sau khi tuyên án, để đảm bảo việc kháng cáo, kháng nghị và thi hành án.

- Tuyên bố bị cáo Lê Minh T1 phạm tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có”, áp dụng khoản 1 Điều 323, điểm b, i, s khoản 1 Điều 51, Điều 32 và Điều 36 Bộ luật Hình sự, các Điều 299, 326 và 329 của Bộ luật Tố tụng Hình sự, xử phạt bị cáo Lê Minh T1 01 (một) năm 03 (ba) tháng cải tạo không giam giữ. Thời gian cải tạo không giam giữ tính từ ngày Ủy ban nhân dân xã MQT, huyện H, tỉnh Long An nhận được quyết định thi hành án, bản án.

Giao bị cáo Lê Minh T1 cho Ủy ban nhân dân xã MQT, huyện H, tỉnh Long An giám sát, giáo dục trong thời gian chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ. Gia đình bị cáo Lê Minh T1 có trách nhiệm phối hợp với Ủy ban nhân dân xã MQT trong việc giám sát, giáo dục bị cáo Lê Minh T1. Miễn khấu trừ thu nhập đối với bị cáo Lê Minh T1. Bị cáo Lê Minh T1 phải thực hiện những nghĩa vụ quy định tại Luật thi hành án hình sự. Trường hợp bị cáo Lê Minh T1 thay đổi nơi cư trú, làm việc, thì thực hiện theo quy định của pháp luật về thi hành án hình sự.

- Về các biện pháp tư pháp: Áp dụng các Điều 46, 47 và 48 của Bộ luật Hình sự và Điều 106 của Bộ luật Tố tụng Hình sự:

+ Tịch thu tiêu hủy 01 đoạn gỗ tròn dài 3,7m đầu lớn rộng 04cm, đầu nhỏ 02cm;

+ Tịch thu sung công quỹ Nhà nước: 01 điện thoại hiệu Nokia 1280 màu xanh gắn sim số 0828.294xxx của Lê Hoàng P và 01 điện thoại hiệu Nokia 1202 màu đen, gắn sim số 0987.979xxx của Lê Minh T1; 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda, số loại Super Dream, màu nâu, biển kiểm soát 62S1-xxx.33, số khung 08013Y583494, số máy HA08E0583595, dung tích xi lanh 97cm³, năm sản xuất 2004 của Lê Minh T1; 9.500.000 đồng (chín triệu, năm trăm nghìn đồng) tiền thu lợi bất chính (gồm 7.500.000 đồng tạm giữ và 2.000.000 đồng Phạm Văn D nộp khắc phục hậu quả).

+ Trả lại cho ông Nguyễn Văn K 01 điện thoại hiệu Nokia 1208 màu đen, gắn sim số 0933.145xxx;

Vật chứng Chi cục thi hành án dân sự huyện H đang quản lý theo Quyết định chuyển vật chứng số 30/QĐ-VKSĐH ngày 26-8-2021 của Viện kiểm sát nhân dân huyện H; Biên bản về việc giao nhận vật chứng, tài sản và Biên lai thu tiền số 0004227 cùng ngày 07-9-2021, Biên lai thu tiền số 0004231 ngày 15-9-2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện H.

- Về án phí: Áp dụng các Điều 135 và 136 của Bộ luật Tố tụng Hình sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Buộc các bị cáo Lê Hoàng P, Phạm Văn D và Lê Minh T1 mỗi bị cáo phải nộp 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

- Các bị cáo và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt có quyền kháng cáo bản án theo thủ tục phúc thẩm trong thời hạn 15 ngày tính từ ngày tuyên án (ngày 27-9-2021). Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt, được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Long An;
- VKSND tỉnh Long An;A
- VKSND huyện H;
- Chi cục THADS huyện H;
- Công an huyện H;
- Bị cáo; Liên quan;
- UBND xã MQT;
- UBND xã ĐTh;
- Hồ sơ THA.HS (07);
- Lưu: Hồ sơ, án văn;

Nguyễn Hùng Vương